

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 2889/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 03/7/2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Bùi Thị Phụng
- Ông Huỳnh Tiến Dũng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phương – Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ngự, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2614/2023/TLST-HNGĐ ngày 31/10/2023, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3152/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 4057/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/6/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Hoàng N, sinh năm: 1986

Địa chỉ: thôn BT, xã PH, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Đặng Đức Đ, sinh năm: 1976

Địa chỉ: căn hộ X Chung cư Y, đường M, Khu phố O, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà N có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 10 năm 2023 và lời trình bày của nguyên đơn bà Đặng Thị Hoàng N:

Bà và ông Đặng Đức Đ tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PH, huyện B, tỉnh Bình Thuận vào ngày 22/02/2010. Cuộc sống chung của vợ chồng có xảy ra bất hòa do tính cách không phù hợp nhưng ông bà tự dàn xếp được. Đến năm 2019 thì mâu thuẫn trầm trọng do ông Đ thường vô cớ

la mắng, có thái độ xem thường và xúc phạm bà. Khi bà nêu ý kiến thì ông Đ phản ứng bằng nhiều hành Đng thiếu kiểm soát, thậm chí đánh đập bà khiến bà bị tổn thương tình cảm và áp lực lớn về tinh thần. Do tình trạng căng thẳng không được giải quyết, bà đã đưa hai con về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Từ thời gian đó đến nay ông Đ không đến thăm con và cũng không quan tâm chia sẻ trách nhiệm trong việc nuôi nấng, giáo dục con chung. Đến nay bà xác định không thể hàn gắn tình cảm, tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình với ông Đ nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Đặng Đức Đ.

Con chung: Có hai con chung tên Đặng Thị Đỗ Q, sinh ngày 16/8/2010 và Đặng Thị Bích T, sinh ngày 17/12/2013. Bà N yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập họp lệ bị đơn ông Đặng Đức Đ đến trụ sở Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa, bà N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông Đ đã được Tòa án tổng đạt họp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Đặng Thị Hoàng N được ly hôn ông Đặng Đức Đ. Giao hai con chung tên Đặng Thị Đỗ Q và Đặng Thị Bích T cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét, quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Ly hôn”. Do bị đơn cư trú tại thành phố Thủ Đức nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt họp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng

mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Căn cứ bản sao trích lục kết hôn số 10/TLKH-BS ngày 24/3/2020 của Ủy ban nhân dân xã PH, huyện B, tỉnh Bình Thuận có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng Thị Hoàng N và ông Đặng Đức Đ là hợp pháp.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông Đ đã xảy ra những mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp. Bà N xác định vợ chồng không còn tôn trọng, quan tâm, chia sẻ trách nhiệm lẫn nhau. Thời gian dài ông Đ có thái độ cư xử thiếu tôn trọng bà nên bà không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống. Đến nay bà N yêu cầu ly hôn và ông Đ vắng mặt, không đến Tòa án để tham gia hòa giải, không có ý kiến thể hiện thiện chí mong muốn đoàn tụ. Do đó yêu cầu ly hôn của bà N là có cơ sở chấp nhận.

Con chung: Căn cứ lời khai của bà N phù hợp với bản sao các giấy khai sinh số 158/2010 ngày 20/8/2010 của Ủy ban nhân dân xã PH, huyện B, tỉnh Bình Thuận và số 82 ngày 11/3/2014 của Ủy ban nhân dân phường H, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đủ căn cứ xác định bà N và ông Đ có hai con chung tên Đặng Thị Đỗ Q và Đặng Thị Bích T.

Xét, việc quyết định giao con cho ai nuôi Hội đồng xét xử phải xem xét bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con. Bà N có yêu cầu trực tiếp nuôi con, ông Đ vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi con. Xét thấy từ thời điểm vợ chồng tách ra sống riêng, bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Căn cứ yêu cầu của bà N và nguyện vọng của hai con được sống chung với mẹ, bà N đủ điều kiện tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con nên cần giao con cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu ông Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Nợ chung: Nguyên đơn xác định không có nợ chung.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà N phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 2 Điều 269; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; 83; 84; Điều 110 và Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Hoàng N về việc “Ly hôn” đối với ông Đặng Đức Đ;

1.1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Đặng Thị Hoàng N được ly hôn ông Đặng Đức Đ.

1.2. Con chung: Giao con 02 (hai) con chung tên Đặng Thị Đỗ Q (nữ), sinh ngày 16/8/2010 và Đặng Thị Bích T (nữ), sinh ngày 17/12/2013 cho bà Đặng Thị Hoàng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đặng Đức Đ được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng.

1.3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Nợ chung: Đương sự tự xác định không có.

2. Án phí sơ thẩm: Bà Đặng Thị Hoàng N phải chịu án phí ly hôn 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2023/0006141 ngày 27/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (đã nộp đủ).

3. Quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Tp.Thủ Đức;
- CCTHADS Tp.Thủ Đức;
- Đương sự;
- UBND xã PH, huyện B, tỉnh Bình Thuận;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Ngọc Khánh

Trần Ngọc Khánh